

# MARKET INSIGHTS REPORTS

14/09/2022

TTCK VIỆT NAM CÓ LỐI ĐI RIÊNG NHƯ THỔ  
NHĨ KỲ, ẤN ĐỘ VÀ INDONESIA ?



## NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long White Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và nằm trên mức trung bình 20 ngày. Giá giảm khối lượng tăng về lý thuyết là tiêu cực nhưng với độ rộng và sự hồi phục hôm nay thì đó lại là ngày giao dịch tốt.

Các điểm cần lưu ý: (i) 1,126 điểm vẫn là hỗ trợ tốt của chỉ số VN-Index. Giá tiếp tục hồi phục từ ngưỡng hỗ trợ này. (ii) Giao dịch tạo mô hình Failure Swing - Mẫu hình tích cực.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 01 mã cho tín hiệu mua, 05 mã cho tín hiệu bán, 24 mã cho tín hiệu đi ngang. VIC...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 50% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thống kê cho thấy chỉ số sẽ giao dịch giằng co vào phiên ngày mai. Kháng cự là 1,300 điểm. Hỗ trợ là 1,226 điểm

### Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày (EOD)

### Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến trong ngày

### Danh mục cổ phiếu đáng quan tâm vào ngày mai

### Biểu đồ trong ngày:

- TTCK Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ và Indonesia có lối đi riêng ?;
- Suất sinh lợi trung bình mỗi ngày của S&P 500 từ 1950 tới nay;

**TTCK Mỹ:** Dù giảm mạnh vào phiên giao dịch tối qua nhưng chỉ số S&P 500 vẫn nằm trên mốc hỗ trợ 3,900 điểm và kênh tăng giá thiết lập từ tháng 8/2022. Năm nay là một năm giao dịch rất lạ bởi chúng ta thường có những xu hướng giao dịch ngược với những gì mà chúng ta nhìn thấy trên các mô hình phân tích kỹ thuật lớn. Do vậy, nếu tới nay các chỉ số tăng điểm cũng không phải là điều gì đó lạ lắm. Quy luật bình thường trong 1 năm bất thường.

## CHUYÊN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

### THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



### ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

#### HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	536
Số cổ phiếu không có giao dịch	43
Số cổ phiếu tăng giá	120 / 20.73%
Số cổ phiếu giảm giá	323 / 55.79%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	136 / 23.49%

#### HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	236
Số cổ phiếu không có giao dịch	105
Số cổ phiếu tăng giá	57 / 16.72%
Số cổ phiếu giảm giá	128 / 37.54%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	156 / 45.75%

#### UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	337
Số cổ phiếu không có giao dịch	522
Số cổ phiếu tăng giá	120 / 13.97%
Số cổ phiếu giảm giá	141 / 16.41%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	598 / 69.62%

### GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

#### HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	29,719,343	25,600,321	4,119,022
% KL toàn thị trường	4,89%	4,21%	
Giá trị	834,05 tỷ	888,08 tỷ	-54,03 tỷ
% GT toàn thị trường	6,20%	6,60%	

#### HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	145,406	327,248	-181,842
% KL toàn thị trường	0,18%	0,41%	
Giá trị	2,92 tỷ	11,67 tỷ	-8,76 tỷ
% GT toàn thị trường	0,21%	0,84%	

#### UPCOM

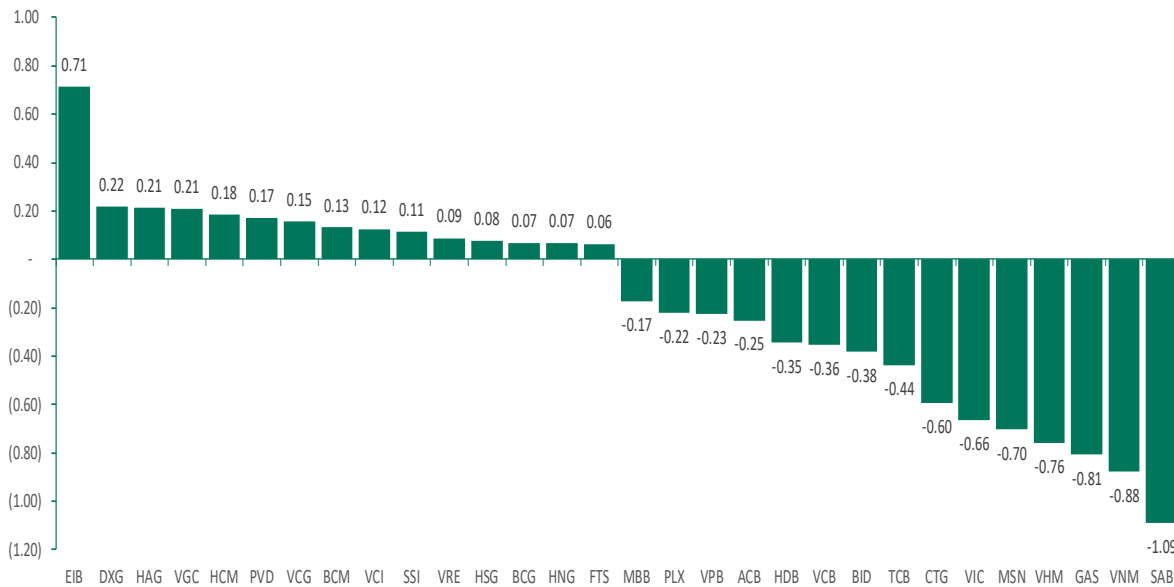
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	559,313	361,553	197,760
% KL toàn thị trường	1,62%	1,05%	
Giá trị	31,34 tỷ	30,92 tỷ	426,91 triệu
% GT toàn thị trường	5,10%	5,03%	

## CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG (TT)

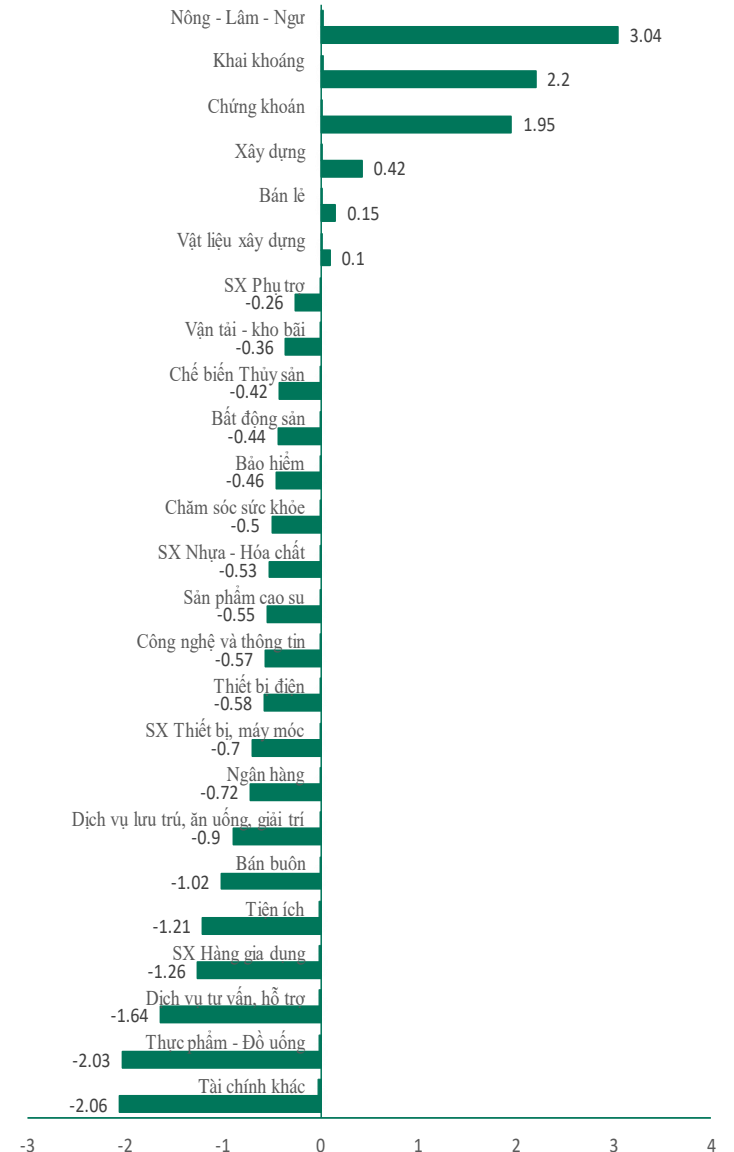
### TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,085,800	78,300	-300 (-0.38%)	18.67	3.01	4,195	370,556
2	VHM	1,784,500	60,000	-700 (-1.15%)	6.66	2.02	9,015	261,262
3	VIC	711,000	63,400	-700 (-1.09%)	(92.55)	1.83	(685)	241,804
4	GAS	317,100	112,500	-1,700 (-1.49%)	25.83	3.55	4,356	215,319
5	BID	933,100	36,500	-300 (-0.82%)	21.11	1.96	1,729	184,636
6	NVL	3,654,400	83,500	0 (0%)	45.90	3.66	1,819	162,811
7	MSN	554,500	112,000	-2,000 (-1.75%)	15.41	4.11	7,269	159,457
8	VNM	2,037,900	74,000	-1,700 (-2.25%)	16.38	4.20	4,517	154,657
9	HPG	27,029,100	23,700	0 (0%)	3.31	1.38	7,166	137,810
10	VPB	15,232,600	30,300	-200 (-0.66%)	11.45	1.38	2,647	135,607

### TOP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI CHỈ SỐ VN-INDEX



### TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH TRONG NGÀY



**TTCK VIỆT NAM: TTCK Việt Nam có lối đi riêng như Thổ, Ấn Độ, và Indonesia**

**Góc nhìn giao dịch thị trường**

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 7.63 điểm (- 0.61%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

**(1) Nông lâm ngư, khai khoáng, chứng khoán, xây dựng, bán lẻ là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày.** Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như ASM, HAG, HNG, BAF, PVB, PVC, PVS, PVD, SSI, VND, HCM, VCI, VCG, C4G, DPG, DTD, HBC, LCG, FRT, VGC.. Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) PVD có một phiên giao dịch tốt và vượt kháng cự giảm giá trung hạn 22.15. Động lực tăng giá tới từ:

- ✓ Giá thuê giàn khoan tăng mạnh và kết quả kinh doanh Q3/2022 có thể đạt mốc 300 tỷ là tín tức hỗ trợ mạnh cho sự bứt phá hiện tại (Giàn khoan đất liền cho thuê 20,000 \$/ngày và giàn khoan này đã hết khấu hao cũng giúp công ty cải thiện mạnh lợi nhuận);
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ đà tăng của giá. Kháng cự tiếp theo của cổ phiếu là vùng 26-28 ngàn đồng;
- ✓ Khối ngoại tiếp tục mua ròng mạnh và hỗ trợ cho đà tăng của cổ phiếu;
- ✓ PVD sắp chia thưởng cổ tức 10% bằng cổ phiếu;

(ii) HAG tăng giá mạnh và thiết lập mốc cao mới. Đà tăng này có đặc điểm như sau:

- ✓ Xóa mẫu hình Rising Wedge của cổ phiếu này.
- ✓ Giá phục hồi mạnh từ MA(50).
- ✓ Các thông tin truyền thông về mức lãi cổ phiếu liên tục xuất hiện trên báo chí. Tuy cho rằng mô hình giao dịch hiện tại của HAG là tốt cho yếu tố đầu cơ nhưng chúng tôi vẫn không cho rằng đà tăng giá này tới từ việc cải thiện chất lượng lợi nhuận. Các yếu tố rủi ro trên BCTC chưa thay đổi và do vậy nhà đầu tư nếu tham gia đầu cơ nên có sự thận trọng nhất định.

(iii) VCG dẫn đầu mức tăng của nhóm ngành xây dựng. Động lực tăng giá tới từ:

- ✓ Mô hình kỹ thuật giao dịch tốt. Giá phục hồi từ vùng MA(50) và đã thiết lập mốc cao mới;
- ✓ Kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận ngành xây dựng sẽ cải thiện trong Q3/2022 nhờ giá thép giảm suốt Quý;
- ✓ Kỳ vọng hàng loạt dự án đường cao tốc sẽ được khởi công trong Q4/2022 và VCG có thể được nhận một vài gói thầu trong 30 gói thầu sẽ được mở trong thời gian tới (Trung bình mỗi gói thầu có trị giá từ 3,000 – 5,000 tỷ đồng);
- ✓ Nếu giá tiếp tục tăng vào ngày mai, vùng giá mục tiêu sẽ quanh 30;

**(2) Tài chính khác, thực phẩm đồ uống, dịch vụ tư vấn hỗ trợ, sản xuất hàng gia dụng, tiện ích là nhóm giảm nhiều nhất trong ngày.** Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như

OGC, TVC, MSN, SAB, KPF, TV2, GIL, MSH, TNG, VSH, PVG, GAS, POW... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) Nhóm vốn hóa lớn, có tính phòng thủ bị bán mạnh. Đà bán có thể do áp lực bên giao dịch hợp đồng tương lai chỉ số chứng khoán.

- ✓ SAB hình thành phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều. Mẫu hình tiêu cực;
- ✓ Nhóm tiện ích chịu áp lực chốt lời sau chuỗi tăng tuần qua;

(ii) Dệt may đối mặt với áp lực điều chỉnh giảm mạnh. Đà giảm tới từ:

- ✓ Đơn hàng dệt may có xu hướng giảm giá phản ánh sự khó khăn chung của ngành;
- ✓ EU có thể đối mặt với suy thoái khiến ngành dệt may tăng trưởng chậm;
- ✓ Mẫu hình kỹ thuật khá tiêu cực;

**Phân tích kỹ thuật**

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long White Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và nằm trên mức trung bình 20 ngày. Giá giảm khối lượng tăng về lý thuyết là tiêu cực nhưng với độ rộng và sự hồi phục hôm nay thì đó lại là ngày giao dịch tốt.

Các điểm cần lưu ý: (i) 1,126 điểm vẫn là hỗ trợ tốt của chỉ số VN-Index. Giá tiếp tục hồi phục từ ngưỡng hỗ trợ này. (ii) Giao dịch tạo mô hình Failure Swing - Mẫu hình tích cực.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 01 mã cho tín hiệu mua, 05 mã cho tín hiệu bán, 24 mã cho tín hiệu đi ngang. VIC...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 50% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thống kê cho thấy chỉ số sẽ giao dịch giằng co vào phiên ngày mai. Kháng cự là 1,300 điểm. Hỗ trợ là 1,226 điểm.



## HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	494.99	494.29	495.69	NO	500.66	504.93	510.6	514.87	490.72	485.05	480.78	475.11
HNXINDEX	279.03	278.84	279.23	YES	281.62	283.81	286.4	288.59	276.84	274.25	272.06	269.47
UPINDEX	90.02	89.96	90.09	YES	90.56	90.95	91.49	91.88	89.63	89.09	88.7	88.16
VN30	1258.22	1256.89	1259.55	NO	1265.46	1270.04	1277.28	1281.86	1253.64	1246.4	1241.82	1234.58
VNINDEX	1237.15	1235.34	1238.96	NO	1245.79	1250.81	1259.45	1264.47	1232.13	1223.49	1218.47	1209.83
VNXALL	1996.88	1994.48	1999.28	NO	2014.86	2028.04	2046.02	2059.2	1983.7	1965.72	1952.54	1934.56
VN30FIM	1256.33	1255	1257.67	NO	1264.67	1270.33	1278.67	1284.33	1250.67	1242.33	1236.67	1228.33
VN30FIQ	1247.9	1246.4	1249.4	NO	1253.9	1256.9	1262.9	1265.9	1244.9	1238.9	1235.9	1229.9
VN30F2M	1250.37	1249.25	1251.48	YES	1257.73	1262.87	1270.23	1275.37	1245.23	1237.87	1232.73	1225.37
VN30F2Q	1245.13	1246.4	1243.87	NO	1256.67	1270.73	1282.27	1296.33	1231.07	1219.53	1205.47	1193.93
ACB	23.48	23.48	23.49	YES	23.62	23.73	23.87	23.98	23.37	23.23	23.12	22.98
BID	36.32	36.22	36.41	NO	36.68	36.87	37.23	37.42	36.13	35.77	35.58	35.22
BVH	56.33	56.3	56.37	YES	56.87	57.33	57.87	58.33	55.87	55.33	54.87	54.33
CTG	27.03	27.05	27.02	YES	27.17	27.33	27.47	27.63	26.87	26.73	26.57	26.43
GVR	24.78	24.67	24.89	NO	25.22	25.43	25.87	26.08	24.57	24.13	23.92	23.48
HDB	25.25	25.28	25.22	YES	25.4	25.6	25.75	25.95	25.05	24.9	24.7	24.55
GAS	112.67	112.75	112.58	YES	113.53	114.57	115.43	116.47	111.63	110.77	109.73	108.87
FPT	84	84	84	YES	84.5	85	85.5	86	83.5	83	82.5	82
HPG	23.58	23.52	23.64	NO	23.92	24.13	24.47	24.68	23.37	23.03	22.82	22.48
KDH	35.65	35.63	35.67	YES	35.9	36.1	36.35	36.55	35.45	35.2	35	34.75
MBB	22.28	22.23	22.34	NO	22.57	22.73	23.02	23.18	22.12	21.83	21.67	21.38
MSN	112.67	113	112.33	NO	113.33	114.67	115.33	116.67	111.33	110.67	109.33	108.67
MWG	73.4	73.25	73.55	NO	74.2	74.7	75.5	76	72.9	72.1	71.6	70.8
NVL	83.13	82.95	83.32	NO	84.27	85.03	86.17	86.93	82.37	81.23	80.47	79.33
PLX	39.47	39.5	39.43	YES	39.73	40.07	40.33	40.67	39.13	38.87	38.53	38.27
PDR	51.03	51.1	50.97	NO	51.57	52.23	52.77	53.43	50.37	49.83	49.17	48.63
POW	14.15	14.15	14.15	YES	14.4	14.65	14.9	15.15	13.9	13.65	13.4	13.15
PNJ	111.93	112.05	111.82	NO	112.37	113.03	113.47	114.13	111.27	110.83	110.17	109.73
SAB	186	187	185	NO	188	192	194	198	182	180	176	174
SSI	21.7	21.58	21.83	NO	22.4	22.85	23.55	24	21.25	20.55	20.1	19.4
TCB	36.77	36.75	36.78	YES	37.03	37.27	37.53	37.77	36.53	36.27	36.03	35.77
STB	22.87	22.77	22.96	NO	23.23	23.42	23.78	23.97	22.68	22.32	22.13	21.77
TPB	26.53	26.52	26.54	YES	26.82	27.08	27.37	27.63	26.27	25.98	25.72	25.43
VHM	60	60	60	YES	60.3	60.6	60.9	61.2	59.7	59.4	59.1	58.8
VCB	78.27	78.25	78.28	YES	79.53	80.77	82.03	83.27	77.03	75.77	74.53	73.27
VJC	116	115.9	116.1	YES	116.7	117.2	117.9	118.4	115.5	114.8	114.3	113.6
VIC	63.07	62.9	63.23	NO	64.03	64.67	65.63	66.27	62.43	61.47	60.83	59.87
VPB	30.13	30.05	30.22	NO	30.47	30.63	30.97	31.13	29.97	29.63	29.47	29.13
VRE	28.38	28.33	28.44	NO	28.82	29.13	29.57	29.88	28.07	27.63	27.32	26.88
VNM	74.27	74.4	74.13	NO	74.73	75.47	75.93	76.67	73.53	73.07	72.33	71.87

## CÁC CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
HAG	40,713,500	19,287,980	211	6.61
VCG	15,915,200	4,187,630	380	5.22
BCG	10,257,100	4,899,920	209	3.15
C4G	4,722,500	2,323,110	203	1.41
<b>EIB</b>	<b>2,671,000</b>	<b>375,930</b>	<b>710.5</b>	<b>6.96</b>
TLH	1,472,000	680,860	216	4.25
MST	1,231,300	395,990	311	-1.16
<b>CEN</b>	<b>1,223,700</b>	<b>444,720</b>	<b>275.16</b>	<b>-0.99</b>
PVB	741,000	235,100	315	2.65
SJD	436,400	101,470	430	4.02
<b>SVD</b>	<b>352,100</b>	<b>63,030</b>	<b>558.62</b>	<b>1.58</b>
LGL	251,400	123,900	203	2.48
VC2	220,400	97,650	226	2.15
HOM	206,400	63,330	326	0
NAB	199,500	83,230	240	-1.42
<b>NVB</b>	<b>177,100</b>	<b>33,600</b>	<b>527.08</b>	<b>-4.05</b>
VCR	132,200	26,730	495	0.85
SJS	103,500	17,000	609	-0.15
THG	98,400	32,270	305	-3.29
BTN	80,800	17,650	458	11.11
<b>TV3</b>	<b>80,200</b>	<b>2,360</b>	<b>3398.31</b>	<b>-2.22</b>
ACV	62,600	25,040	250	0
VNF	51,600	3,700	1,395	-0.63
OPC	44,900	19,110	235	-0.43
HRT	33,400	10,870	307	-1.79
<b>PDV</b>	<b>32,500</b>	<b>5,690</b>	<b>571.18</b>	<b>-0.99</b>
NET	28,100	3,260	862	5.57
VTA	25,400	4,960	512	0
KSD	25,400	11,290	225	0
PTI	25,300	3,290	769	-1.86
CTP	23,200	7,190	323	0
CLH	23,000	9,610	239	-0.28
CSM	21,600	8,240	262	0
STG	20,800	2,690	773	0
HTE	20,300	3,530	575	0
CNC	19,400	1,110	1,748	-3.95
ICG	17,200	1,750	983	0
MGR	16,200	790	2,051	12
DSN	14,900	6,680	223	-0.19
CLC	14,700	3,500	420	-3.24

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: Nhóm xây dựng... bùng nổ khối lượng giao dịch.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÁNG QUAN TÂM VÀO NGÀY MAI

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
13-Sep	DBC	Mua thêm	≤ 28	10% -20%	KLGD tăng cao/Buy Kumo Break/Giá thị lộn tăng hỗ trợ đà tăng của giá cổ phiếu
13-Sep	DXG	Mua	≤ 25.1	10% -20%	Hỗ trợ động MA(50)/Failure Swing
13-Sep	ANV	Mua	≤ 51	10% -20%	Hỗ trợ động MA(50)/Failure Swing

### Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi mở mua 03 cổ phiếu.
- Hỗ trợ ngắn quanh vùng 1,226 điểm và kháng cự quanh vùng 1,300 điểm. Dự báo của chúng tôi thiên về xu hướng đi ngang với biên độ rộng khoảng 100 điểm do vậy nhà đầu tư nên canh chốt lời ở các điểm kháng cự mạnh như vùng 1,280 – 1,320 điểm với chỉ số hoặc với các kháng cự trung hạn lớn của cổ phiếu.
- Nhóm dầu khí đã tăng mạnh trở lại và đây vẫn là nhóm chúng tôi ưa thích trong trung hạn.
- DBC, nhóm cá đang có mẫu hình giao dịch tốt.
- Chúng tôi thấy khả năng tạo đáy của DXG.
- Nhóm ngành xây dựng bùng nổ khối lượng giao dịch và VCG đã thiết lập mốc mới. Nhà đầu tư có thể lưu ý nhóm ngành này.

### Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị phần lớn đều đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).
- Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

## BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

### TTCK Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ và Indonesia có lối đi riêng ?

Đây là TTCK Thổ, Indonesia và Ấn Độ các nước về cơ bản cạnh tranh với Việt Nam ở một số ngành, một số lĩnh vực như Thép (Thổ), Ấn Độ và Indo là cạnh tranh trở thành công xưởng xuất khẩu của thế giới. Việt Nam là nước xuất khẩu lớn hơn cả Ấn Độ và Indo và Việt Nam cũng đã ký các FTA thế hệ mới. So với Thổ, tiền đồng và lạm phát Việt Nam ít mất giá hơn, dự trữ ngoại hối mạnh hơn (Thổ chỉ có khoảng 70 tỷ đô la dự trữ ngoại hối)...Liệu TTCK Việt Nam có thể tự tìm lối đi riêng ?



### Suất sinh lợi trung bình mỗi ngày của S&P 500 từ 1950 tới nay

Here's How Each Day of the Year Does  
S&P 500 Index Average Return Per Day (1950 - 2021)

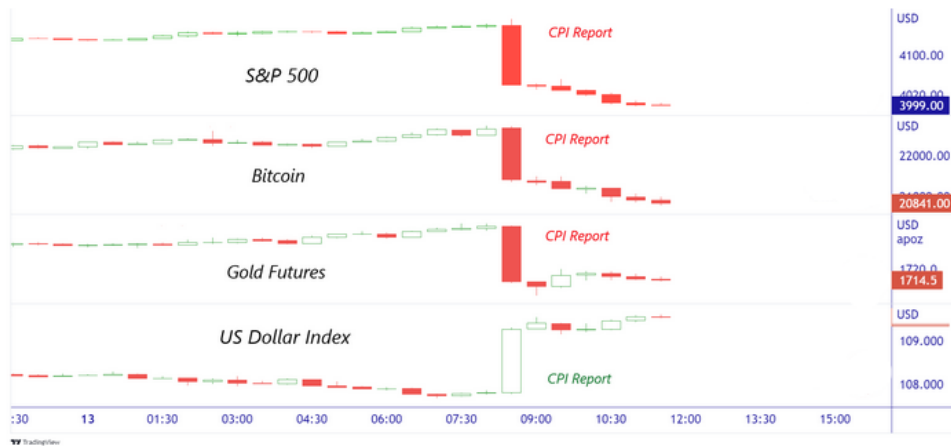
	January	February	March	April	May	June	July	August	September	October	November	December
1												
2	0.30%	0.12%	0.09%	0.08%	0.17%	0.11%	0.05%	0.13%	0.28%	0.17%	0.32%	0.08%
3	0.17%	0.22%	0.04%	-0.01%	0.07%	0.05%	0.31%	0.05%	0.02%	-0.07%	0.41%	-0.15%
4	0.09%	-0.09%	0.22%	-0.05%	0.01%	-0.01%		-0.24%	-0.16%	0.10%	0.19%	0.16%
5	0.16%	-0.14%	0.09%	0.32%	0.17%	0.18%	0.15%	-0.12%	-0.06%	0.28%	0.28%	0.20%
6	0.09%	0.09%	-0.07%	0.18%	-0.13%	0.16%	0.10%	0.07%	0.14%	0.15%	-0.07%	0.21%
7	-0.11%	0.01%	-0.19%	-0.20%	-0.15%	0.04%	0.05%	0.17%	-0.07%	-0.06%	-0.10%	0.08%
8	-0.21%	-0.14%	0.03%	0.27%	0.24%	-0.06%	0.03%	-0.06%	0.02%	0.01%	0.07%	0.04%
9	0.05%	-0.16%	-0.09%	0.26%	-0.09%	-0.21%	0.19%	-0.03%	-0.23%	-0.29%	-0.10%	-0.01%
10	0.13%	0.02%	0.21%	0.20%	-0.08%	0.08%	-0.09%	-0.18%	-0.09%	0.04%	0.00%	0.03%
11	-0.10%	0.04%	0.18%	-0.11%	-0.18%	-0.08%	0.08%	0.18%	0.06%	0.11%	0.19%	-0.15%
12	-0.07%	0.19%	-0.14%	0.29%	0.09%	0.01%	0.15%	-0.04%	0.03%	0.07%	-0.08%	-0.04%
13	-0.07%	0.19%	0.19%	-0.13%	-0.11%	0.10%	-0.03%	0.00%	0.17%	0.24%	0.11%	-0.05%
14	0.23%	0.04%	-0.10%	0.02%	-0.03%	-0.04%	0.26%	0.02%	0.08%	0.05%	0.02%	-0.25%
15	0.10%	0.18%	0.26%	0.17%	0.03%	0.03%	0.02%	-0.01%	-0.03%	-0.03%	-0.05%	-0.02%
16	0.11%	-0.05%	0.05%	0.24%	0.07%	0.17%	0.01%	0.09%	0.33%	-0.05%	0.06%	0.36%
17	0.06%	-0.06%	0.37%	0.30%	-0.14%	0.05%	0.09%	0.22%	-0.24%	-0.05%	0.01%	-0.01%
18	0.12%	0.04%	0.14%	0.23%	0.00%	-0.10%	-0.11%	-0.17%	0.16%	0.29%	0.02%	0.25%
19	-0.02%	-0.14%	-0.14%	-0.12%	-0.09%	-0.04%	-0.03%	-0.18%	0.06%	-0.51%	-0.36%	-0.01%
20	-0.28%	0.03%	-0.09%	-0.11%	-0.05%	-0.10%	-0.02%	0.23%	-0.18%	0.41%	-0.12%	-0.07%
21	0.04%	-0.17%	-0.08%	0.18%	-0.04%	-0.10%	-0.12%	-0.06%	-0.29%	0.15%	0.23%	0.23%
22	-0.04%	0.02%	-0.09%	0.03%	0.04%	-0.11%	-0.07%	0.05%	-0.06%	-0.36%	-0.04%	0.17%
23	0.13%	-0.12%	0.15%	-0.05%	-0.18%	-0.04%	-0.11%	0.03%	-0.16%	-0.03%	0.19%	0.05%
24	-0.07%	0.10%	0.02%	-0.08%	0.00%	-0.23%	0.01%	0.03%	-0.12%	-0.14%	0.48%	0.10%
25	0.06%	-0.07%	0.06%	0.13%	-0.10%	-0.06%	0.09%	-0.13%	-0.12%	-0.17%	0.15%	
26	-0.11%	0.06%	0.34%	0.10%	0.14%	-0.30%	0.11%	0.05%	-0.19%	-0.22%	0.01%	0.50%
27	0.04%	-0.25%	-0.12%	-0.04%	0.19%	-0.02%	0.00%	-0.01%	0.02%	-0.09%	0.22%	0.18%
28	0.17%	-0.07%	-0.09%	-0.06%	-0.01%	0.22%	-0.13%	-0.06%	0.23%	0.47%	0.16%	-0.03%
29	0.06%	-0.06%	0.16%	0.21%	0.17%	0.02%	0.14%	0.12%	-0.32%	0.32%	0.04%	0.15%
30	0.03%		-0.16%	-0.03%	0.16%	0.14%	0.24%	-0.11%	0.24%	0.21%	0.03%	0.13%
31	0.28%		-0.03%		0.15%		0.06%	0.06%		0.09%		0.16%

Source: Carson, YCharts

## TTCK MỸ: Lạm phát tăng nóng khiến nhà đầu tư giật mình

### Lạm phát tăng nóng

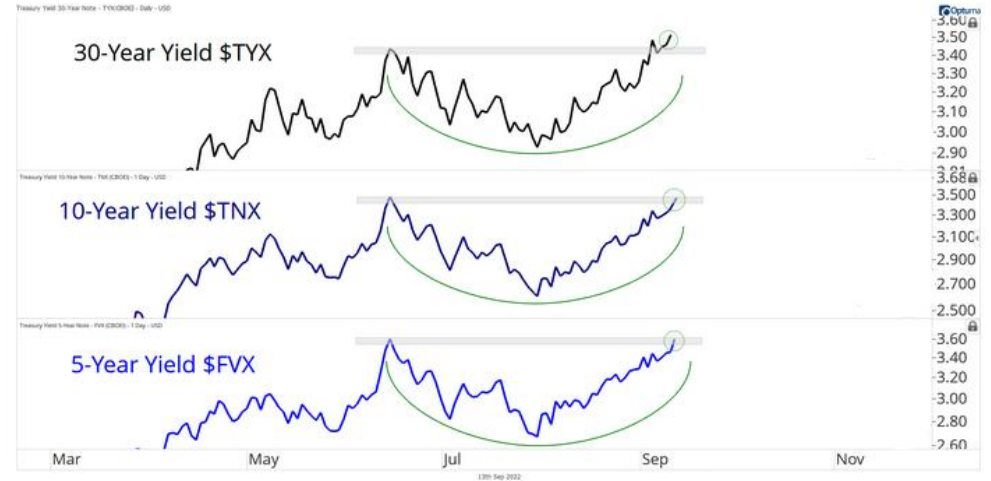
Các tài sản rủi ro được bán tháo mạnh mẽ sau khi lạm phát ngày hôm nay. Báo cáo Chỉ số Giá tiêu dùng (CPI) cho thấy lạm phát tăng với tốc độ 8,3% hàng năm vào tháng 8, vượt quá ước tính của các nhà phân tích là 8,1% và kéo dài gần mức cao nhất trong 40 năm. Biểu đồ dưới đây cho thấy các khu vực khác nhau trên thị trường phản ứng như thế nào với báo cáo ngày hôm nay.



Như bạn có thể thấy, chỉ số S&P 500, Bitcoin và vàng tương lai giảm mạnh, trong khi chỉ số US Dollar Index (DXY) tăng cao hơn. Hành động này xác nhận ý tưởng rằng cổ phiếu, tiền điện tử và thậm chí cả vàng không phải là phương tiện bảo vệ lạm phát hiệu quả. Nó cũng ủng hộ quan điểm rằng đồng đô la có thể quyết định hướng đi cho cổ phiếu và tiền điện tử vì mối tương quan nghịch giữa các tài sản này và đô la Mỹ vẫn rất mạnh.

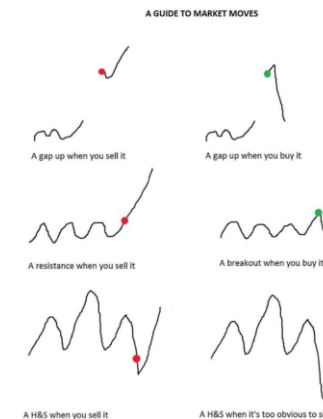
### Lợi suất kiểm tra mức cao trong mùa hè

Chúng ta đã ở trong môi trường lãi suất tăng trong hơn hai năm nay. Điều này không giới hạn ở Mỹ mà ở phạm vi toàn thế giới. Hôm nay, lợi suất trái phiếu kho bạc kỳ hạn 30-, 10 và 5 năm đã đẩy lên mức cao mới, đạt mức cao nhất trong ba tháng. Đây có thể là thời điểm lý tưởng để lợi suất trái phiếu kho bạc thoát ra khỏi sự hợp nhất và tăng cao hơn. Nếu lợi suất xoay sở để lấy lại mức cao nhất của tháng 6, chúng ta có thể thấy phần giữa và đầu dài của đường cong lợi suất sẽ tăng cao hơn trong những ngày và tuần tới. Điều này có thể gây thêm áp lực lên các cổ phiếu tăng trưởng và các tài sản dài hạn khác.



### Năm nay là năm của giao dịch khác biệt

A guide to market moves in 2022



**Kết luận:** Dù giảm mạnh vào phiên giao dịch tối qua nhưng chỉ số S&P 500 vẫn nằm trên mốc hỗ trợ 3,900 điểm và kênh tăng giá thiết lập từ tháng 8/2022. Năm nay là một năm giao dịch rất lạ bởi chúng ta thường có những xu hướng giao dịch ngược với những gì mà chúng ta nhìn thấy trên các mô hình phân tích kỹ thuật lớn. Do vậy, nếu tối nay các chỉ số tăng điểm cũng không phải là điều gì đó lạ lẫm. Quy luật bình thường trong 1 năm bất thường.



## **KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG**

(\*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



### **CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST**

Trung tâm nghiên cứu và phân tích

#### **TRỤ SỞ CHÍNH:**

Toà nhà Smart Invest, Số 222 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung , Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

**Tel:** 0243 – 5739779

**Fax:** 0243 – 5739769